

# PHÁT TRIỂN HỌC TẬP THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC TRONG ĐÀO TẠO NGHỀ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

ThS. NGUYỄN NGỌC TRANG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lí Tự Trọng, TP. Hồ Chí Minh

## 1. Khái niệm về năng lực hành nghề trên thế giới

Trên thế giới nhiều nước đã cố gắng tìm ra các thuật ngữ nhằm nêu bật khái niệm cơ bản về năng lực hành nghề. Ở Úc, người ta gọi là năng lực mấu chốt (Key Competencies); ở Anh là kĩ năng cốt lõi (Core Skills); ở Mỹ là: bí quyết nơi làm việc (Work Place Know-How), kĩ năng nền tảng (Foundation Skills), hoặc là năng lực nơi làm việc (Work Place Competencies); ở New Zealand là kĩ năng thiết yếu (Essential Skills). Tất cả các thuật ngữ này để cập đến những kĩ năng, năng lực hành nghề chủ yếu, hoặc kĩ năng chung. Chính những năng lực này làm nền tảng cấu trúc cho các năng lực hành nghề cụ thể được coi là cần thiết cho quá trình học tập suốt đời.

BẢNG SO SÁNH NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ NHỮNG NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA CÁC NƯỚC ÚC, ANH, MỸ VÀ NEW ZEALAND

Úc Năng lực chủ yếu	Anh Kĩ năng cốt lõi	Mỹ Bí quyết nơi làm việc	New Zealand Kĩ năng cần thiết
Tập hợp, phân tích và tổ chức thông tin	Sự giao tiếp, sự thông tin	Thông tin, kĩ năng cơ bản	Kĩ năng thông tin
Sự truyền đạt ý tưởng và thông tin	Sự truyền tin, kĩ năng cá nhân	Thông tin, kĩ năng cơ bản	Kĩ năng giao tiếp, truyền đạt
Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động	Kĩ năng cải thiện việc học tập và các hành động	Biện pháp tiến hành, kĩ năng cơ bản	Kĩ năng tự quản lý, kĩ năng diễn đạt ngôn ngữ
Làm việc với người khác và làm việc trong nhóm	Kĩ năng làm việc với người khác	Kĩ năng giao tiếp giữa các cá nhân với nhau	Kĩ năng xã hội; kĩ năng học tập và làm việc.
Sử dụng những ý tưởng và kĩ thuật về toán học	Giải toán	Kĩ năng cơ bản	Kĩ năng số học
Giải quyết vấn đề	Giải quyết vấn đề	Kĩ năng tư duy	Kĩ năng số học, kĩ năng thực hiện quyết định
Sử dụng công nghệ	Công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ	Kĩ năng truyền đạt, kĩ năng thông tin
Ngoại ngữ hiện đại			

Nguồn : Collins 1993. P.32 , Learmonth 1993, p.49

Năng lực hành nghề (NLHN) xuất phát từ việc xử lí một loạt các thuộc tính liên quan như: kiến thức, khả năng làm việc, kĩ năng và thái độ quan điểm. Do vậy có thể xem năng lực là sự kết hợp của các thuộc tính trên nhằm thực hiện hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. NLHN được xây dựng thông qua sự phân tích công việc, mức độ công việc được tổ chức trong nghề nghiệp của người lao động. Việc xây dựng NLHN cũng phải xem xét đến những thay đổi theo yêu cầu nghề nghiệp, bản chất của công việc và đặc thù của nền giáo dục và đào tạo nghề ở từng nơi.

Theo kết luận của hội nghị giữa hội đồng giáo dục Australia và các bộ trưởng Giáo dục – Đào tạo – Việc làm vào tháng 9/1992, người lao động cần có 7 năng lực then chốt (key competencies) như sau:

1. *Thu thập, phân tích và tổ chức thông tin:* Năng lực tìm ra nơi có thông tin, lọc và chọn thông tin nhằm lựa ra cái cần thiết và trình bày một cách bổ ích và đánh giá bản thân thông tin và cả những nguồn và phương pháp lấy được thông tin đó.

2. *Truyền bá tư tưởng và thông tin:* Năng lực truyền bá một cách có hiệu quả cho người khác bằng cách sử dụng hàng loạt phương tiện bằng lời, viết, đồ thị và không bằng lời khác.

3. *Kế hoạch hóa và tổ chức các hoạt động:* Năng lực kế hoạch hóa và tổ chức các hoạt động của bản thân, bằng cách sử dụng tốt thời gian và những nguồn lực, việc lựa chọn ra những ưu tiên và theo dõi sự thực hiện chúng.

4. *Làm việc với người khác và đồng đội:* Năng lực có tác động một cách hiệu quả với người khác, (với từng người và vừa với cả nhóm), bao gồm sự hiểu biết và đáp ứng những nhu cầu của khách hàng và cách làm có hiệu quả với tư cách là một thành viên của nhóm để đạt mục đích đã được chia sẻ.

5. *Sử dụng những ý tưởng và kĩ thuật toán học:* Năng lực sử dụng những ý tưởng toán học như về số và không gian và những kĩ thuật về đánh giá và ước lượng, nhằm những mục đích thực tế.

6. *Giải quyết vấn đề:* Năng lực áp dụng chiến lược giải quyết vấn đề bằng những con đường có mục tiêu, trong những tình huống đó, bài toán và lời



giải mong muốn đều rõ ràng và có những tình huống đòi hỏi tư duy có phê phán và cách tiếp cận sáng tạo nhằm đạt được một kết quả.

7. *Sử dụng công nghệ:* Năng lực áp dụng công nghệ, sử dụng những kỹ năng, thể chất và cảm xúc cần thiết để vận hành các thiết bị với sự hiểu biết những nguyên tắc khoa học và công nghệ cần thiết để khai thác và thích nghi các hệ thống.

## 2. Những nguyên tắc phát triển học tập theo hướng tiếp cận năng lực trong đào tạo nghề

### 2.1. Xây dựng chương trình đào tạo phải căn cứ trên năng lực hành nghề (theo định hướng đầu ra)

Mục đích đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực là hình thành những kỹ năng, kiến thức, thái độ cho người học để sau khi học xong, họ có thể thực hiện được các hoạt động lao động và tạo ra được những sản phẩm hay dịch vụ xã hội. Do đó, cần phải xác định các NLTH mà người học cần đạt theo định hướng nghề nghiệp thể hiện qua việc người học thực hiện được các công việc nghề nghiệp đạt trình độ theo tiêu chuẩn nghề nghiệp đặt ra.

### 2.2. Các chuẩn năng lực nghề là các đơn vị học tập khi thiết kế chương trình đào tạo

Để xác định được các NLTH nghề nghiệp, phải tiến hành phân tích nghề và các công việc trong thực tế lao động nghề nghiệp. Kỹ thuật phân tích nghề theo DACUM (Development of A Curriculum) làm cho mối quan hệ giữa đào tạo với sản xuất và việc làm kết hợp chặt chẽ, do đó nội dung đào tạo phù hợp thực tiễn yêu cầu hoạt động nghề nghiệp. Theo đó, các năng lực hành nghề được xác định từ việc phân tích nghề do những người đang hành nghề thành thạo trong thực tế và những người quản lý trực tiếp của họ. Kết quả phân tích nghề được trình bày trong biểu đồ DACUM được xem là khung các năng lực mà người học cần phải thực hiện.

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế ILO (International Labour Organization), một nghề nào đó đều được thể hiện qua các chuẩn kỹ năng nghề, dù nghề đó được xem xét ở bất kỳ một quốc gia nào. Sự khác biệt của các chuẩn này không lớn và chúng được đặc trưng bởi hệ thống mục tiêu đào tạo và các kỹ năng thực hiện. Chính các chuẩn này là cơ sở để xây dựng các modun học tập trong các cấu trúc hệ thống đào tạo theo modun của ILO. Bảng phân loại nghề nghiệp tiêu chuẩn quốc tế (International Standard Classification of Occupation ISCO) nhằm mô tả năng lực hành nghề theo phân loại nhóm nghề căn cứ vào nhiệm vụ thực hiện trong công việc được cập nhật vào tháng 12/2007 với tên là bảng ISCO-08 là công cụ

cho nhiều quốc gia rà soát các tiêu chuẩn nghề trong nước.

### 2.3. Quá trình phát triển năng lực của người học được đánh giá thường xuyên

Người học cần xác định các yêu cầu về năng lực nghề mà họ chọn trước khi nhập học trình bày dưới dạng các công việc thực hành mà những người hành nghề thực tế phải làm hoặc dưới dạng các hành vi về kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm liên quan đến nghề. Kiến thức lý thuyết phải được người học đạt ở mức độ cần thiết đủ để hỗ trợ cho việc hình thành và phát triển NLTH. Mỗi người học phải có được các thông tin phản hồi cụ thể về sự phát triển NLTH của mình trước, trong và sau quá trình học tập.

### 2.4. Người học phải có đủ điều kiện học tập cần thiết, đặc biệt là điều kiện thực hành nghề

Người học phải thực hành các công việc theo cách thức giống như của người lao động thực hiện trong thực tế lao động nghề nghiệp. Do đó, cần có môi trường thực hành nghề cho sinh viên, tăng giờ thực hành và đi thăm nhập thực tế công ty, nhà máy. Hình thức đánh giá được gồm đánh giá cá nhân khi họ hoàn thành công việc và đánh giá nhóm căn cứ kết quả công việc mà nhóm hoàn thành. Các tiêu chuẩn dùng trong việc đánh giá là những tiêu chuẩn đặt ra ở mức tối thiểu đảm bảo sau khi học xong, người học có thể bước vào làm việc được ngay chứ không phải là đem so sánh với những người học khác. Trên cơ sở các tiêu chuẩn đó, có thể công nhận các kỹ năng đã đạt hay có các kiến thức đã tiếp thu được sau khi học xong một phần nội dung nào đó hoặc trong quá trình làm việc thực tế của người học.

### 2.5. Kiến thức, kỹ năng và thái độ được hòa hợp trong quá trình học và đánh giá, nhằm hình thành năng lực người học

NL không thể quan sát trực tiếp nên cần thiết phải có một số chỉ dẫn để người học thể hiện được nó. Bản chất của những chỉ dẫn là những chứng cứ, những yếu tố chủ yếu liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá và xác nhận NLTH. Các tiêu chí dùng cho đánh giá được công bố công khai cho người học biết trước khi kiểm tra, thi cử. Trong thực tế đào tạo, người ta thường chỉ dựa trên mô hình kết hợp của NLTH, vì vậy cũng thường phải sử dụng kết hợp các dạng chứng cứ trực tiếp, gián tiếp và phụ trợ trong một phạm vi rộng thu nhập được trong quá trình đào tạo thông qua các hoạt động như quan sát công việc tại chỗ làm việc hoặc ở những hoàn cảnh tương tự; đo đạc các sản phẩm hoặc theo dõi các dịch vụ được thực hiện; quan sát, lượng giá các thái độ được thể hiện; Kiểm tra kiến thức và hiểu biết; thu thập các chứng cứ phụ trợ gồm thông tin từ các sổ sách

của giáo vụ, các báo cáo, hồ sơ... và từ những người khác về người học.

### **2.6. Tăng cường tính tích cực và chủ động của người học, lấy người học làm trung tâm:**

Yêu cầu về tổ chức tiết học không cần đặt ra thành tiêu chí cho việc hoàn thành chương trình, người học có thể học theo khả năng và nhịp độ riêng của mình và không phụ thuộc vào người khác. Do vậy, người học có thể bắt đầu và kết thúc việc học ở các thời điểm khác nhau. Hồ sơ học tập của người học được ghi chép, lưu trữ và phản ánh kết quả, thành tích của họ ở một thời điểm ấn định nào đó, người học được phép tạm ngừng và sau đó nối lại việc học mà không cần học lại những NLTH mà họ đã được công nhận qua các tín chỉ.

### **2.7. Vai trò của giảng viên là người tư vấn quan trọng**

Do có sự khác nhau bắt đầu từ việc thiết kế nội dung học tập, người thầy cần tư duy nhiều hơn vào yếu tố đầu ra đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp mà xã hội cần. Người thầy có thêm sự linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, sáng tạo ra cách tiếp cận mới để đáp ứng nhu cầu học nghề đa dạng của tất cả cá nhân hay nhóm học viên. Hệ thống đào tạo theo hướng tiếp cận NLTH khuyến khích mọi người trong một tổ chức có trách nhiệm về đào tạo và phát triển. Những người quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm nhiều hơn trong việc xác định nhu cầu đào tạo, huấn luyện và phát triển có hiệu quả trong lĩnh vực nghề nghiệp. Điều đó làm cho người thầy có cơ hội làm việc nhiều hơn với doanh nghiệp, người quản lý trong việc xác định các nhu cầu, thiết kế, thực hiện đào tạo và trong việc đánh giá hiệu quả đào tạo. Người thầy là người tư vấn quan trọng cho người học, nhà trường theo xu hướng học tập suốt đời.

### **2.8. Hình thành thái độ học tập suốt đời của người học hướng đến năng lực hành nghề trong tương lai**

Một chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận NLTH phải thể hiện được các đặc điểm về mặt nội dung, phương pháp, quản lí, tổ chức cũng như việc hoàn thành chương trình là dựa trên năng lực đạt được đã xác định khi thiết kế chương trình. Người học có thể hoàn thành chương trình học ở các mức độ kết quả khác nhau theo tiến độ học tập cá nhân nên qua đó cần hình thành thái độ tích cực học tập suốt đời của người học với mục tiêu hướng đến năng lực hành nghề đáp ứng thị trường lao động trong hiện tại và phát triển NLHN tương lai.

### **3. So sánh học tập theo truyền thống và học tập theo hướng tiếp cận năng lực**

#### **3.1. Về mục tiêu và nội dung học tập**

Học tập truyền thống:

Chương trình đào tạo thường được xây dựng theo các môn học, chương, mục ít có ý nghĩa trong nghề. Người học tập trung vào bao quát tài liệu giảng dạy khu lên lớp.

- Nội dung học tập dựa trên sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, đề cương khóa học hay các tài liệu tham khảo khác từ nghề đào tạo.

- Người học ít khi biết chính xác họ sẽ học cái gì trong mỗi phần của chương trình.

- Học tập theo hướng tiếp cận NL

- Nội dung học tập dựa trên các kết quả riêng biệt, được trình bày chính xác gọi là NLTH hoặc công việc.

- Những NL đó được xác định sẵn và mô tả chính xác, đã được xác định là then chốt để làm việc thành công.

- Người học biết trước mục tiêu chương trình học.

#### **3.2. Về phương pháp học tập**

Học tập theo truyền thống:

- Dựa trên người thầy là chủ yếu, người thầy truyền đạt thông tin qua diễn giảng, thảo luận hoặc các hoạt động lấy người thầy làm trung tâm.

- Người học ít có kiểm tra trong quá trình học và gò bó trong giờ học.

- Thường có ít thông tin phản hồi đều đặn theo chu kỳ trong quá trình dạy học

Học tập theo hướng tiếp cận NLTH

- Cung cấp cho người học các hoạt động học tập, lấy người học làm trung tâm. Tài liệu học tập được thiết kế cẩn thận với chất lượng cao. Phương tiện và tài liệu giúp cho người học nắm vững được mỗi công việc

- Tài liệu được tổ chức sao cho mỗi người học học một cách có hiệu quả tức là học tập theo nhịp độ cá nhân.

- Có thông tin phản hồi đều đặn trong suốt quá trình học tập tạo cơ hội cho người học biết tự điều chỉnh, sửa chữa việc học của mình.

#### **3.3. Về kế hoạch học tập**

Học tập theo truyền thống:

- Thường đòi hỏi cả lớp hoặc nhóm học viên mỗi một đơn vị học tập trong cùng một lượng thời gian. Cả nhóm sau đó mới chuyển sang đơn vị học tập tiếp theo sau một khoảng thời gian cố định. Trong lúc đó nội dung này có thể quá sớm hoặc quá muộn đối với người học ở trong lớp, nhóm.

Học tập theo hướng tiếp cận NLTH

- Cung cấp cho mỗi học viên có đủ thời gian cho phép để hoàn toàn năng lực một công việc trước khi chuyển sang công việc tiếp sau.

#### **3.4. Về phương pháp đánh giá:**

Học tập theo truyền thống:

- Kiểm tra, đánh giá dựa chủ yếu vào bài



tập, bài thi. Đánh giá kết quả làm bài của học viên thường được so sánh với tiêu chuẩn của lớp, nhóm.

- Học viên được phép chuyển hướng sang đơn vị học tập mới, có khi chỉ cần nắm được bài học một cách sơ bộ hoặc học chưa hết chương trình.

Học tập theo hướng tiếp cận NLTH

- Đòi hỏi từng học viên thực hiện mỗi công việc đạt tới trình độ cao hơn ở điều kiện giống công việc thật thì mới nhận được tín chỉ hoặc chứng chỉ về công việc đó.

- Kết quả học tập được so sánh với tiêu chuẩn đã xác định trước.

Phát triển học tập theo hướng tiếp cận năng lực trong đào tạo nghề được triển khai dựa trên 8 nguyên tắc như trên đã nêu, trong đó, việc thiết kế chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực được xây dựng theo chuẩn đầu ra có thể tham khảo theo bảng mô tả năng lực hành nghề ISCO-08 do tổ chức Lao động Quốc tế ILO cung cấp,

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Ngọc Vinh, *Phát triển chương trình đào tạo*, Hà Nội, 2003.
2. Nguyễn Đức Trí, *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề, đánh giá và cấp bằng chứng chỉ*. SSTD-TEVT, 2007.
3. Renate Wesselink, harm J. A. Biermans, Martin Mulder, Elke R. van den Elsen, *Competency-based VET as seen by Dutch researchers*, European jurnal of vocational training No 40-2007/1.

## SUMMARY

*This article addresses the competency-based learning in vocational training. The author presents concepts of competencies, principles needed in developing competency-based learning and comparisons of traditional and competency-based learning.*

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ THỰC HÀNH NGHỀ... (Tiếp theo trang 50)

cho sinh viên là vấn đề cốt lõi; để thực hiện điều đó cần phải xây dựng cơ sở vật chất, trang, thiết bị. Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo thực hành nghề là điều kiện không thể thiếu trong quá trình đào tạo nghề, cần được sự đầu tư đúng mức mới có thể nâng cao chất lượng đào tạo nghề nói chung, chất lượng thực hành nghề nói riêng.

Trường Cao đẳng nghề Phú Châu đã được trang bị thiết bị thực hành, phòng thực hành nghề để phục vụ thực hành, tuy nhiên số lượng cũng như chất lượng thiết bị vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên.

Công tác quản lý việc xây dựng cơ sở vật chất, trang, thiết bị của nhà trường không chỉ nhằm đảm bảo các điều kiện cần thiết để tiến hành các hoạt động đào tạo của nhà trường mà còn huy động tối đa các nguồn lực vào việc trang bị bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề

### 3. Kết luận

Đào tạo nghề đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn nhân lực kĩ thuật cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để góp phần thực hiện điều đó, Trường Cao đẳng nghề Phú Châu luôn coi trọng nhiệm vụ đào tạo đội ngũ công nhân kĩ thuật có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia vào quá trình lao động và đáp ứng sự đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế-xã hội.

Vì vậy, việc đổi mới và tăng cường các biện pháp quản lí các hoạt động thực hành nghề của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo là vấn đề hết sức cấp thiết, và cần được quan tâm giải quyết một cách triệt để cả về lý luận và thực tiễn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, (Ban hành kèm theo QĐ số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ), Hà Nội, 2001.
2. Bộ LĐTB&XH, *Quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng nghề* (Ban hành kèm theo QĐ 02/2008/QĐ-BLĐTB&XH), Hà Nội;
3. Vũ Văn Tảo, *Chính sách và định hướng phát triển giáo dục và đào tạo ở Việt Nam*, Trường Cán bộ quản lý GD&ĐT, Hà Nội, 1999.
4. Nguyễn Đức Trí, *Giải pháp nâng cáo chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, NXB giáo dục, Hà Nội, 2008.

## SUMMARY

*Besides the achievement the vocational college Phu Chau has shown some limitations in managing trade practice. In this article the author proposes some measures for managing the trade practice at the college for making use of strength and reducing limitations.*